

TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

TỔ KHỐI: MG 5 - 6 TUỔI

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

KHỐI MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI

STT	Mục tiêu GD năm học	Nội dung giáo dục năm học
I.Lĩnh vực phát triển thể chất (22MT)		
1. Phát triển vận động:		
MT1	Trẻ thực hiện đúng, thuần thực các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp của bản nhạc, bài hát, bài thơ, bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp (1T55)	Các động tác phát triển các nhóm cơ Hô hấp, tay, bụng, chân, bật Thực hiện thuần thực, nhịp nhàng các động tác theo hiệu lệnh, theo nhịp bài hát, bài thơ** Tập luyện mỗi ngày để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần (QTE)
MT2	Trẻ thực hiện phối hợp các vận động** giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động (CS5; 2.1T55)	Đi lên xuống trên mặt phẳng nghiêng, vượt qua chướng ngại vật; leo, trèo, di chuyển trên các mô hình vận động không cần sự hỗ trợ** Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m. Đi trên ván kê dốc - Trèo lên xuống 7 gióng thang Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. Đi nổi bàn chân tiến lùi. Đứng 1 chân và giữ thăng người 10 giây Bật nhảy từ trên cao xuống (40-45cm) Bật qua vật cản (15-20cm) Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế dài (1,5m x 30m) Nhảy lò cò 5m
MT3	Trẻ biết kiểm soát được vận động khi đi, chạy (2.2 T55) - Chơi vận động có kiểm soát tốt hơn (Trẻ hòa nhập)	Đi / chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh.(đổi hướng ít nhất 3 lần) Chạy 18m trong khoảng 10s Chạy chậm 100-120m - Chơi vận động có kiểm soát tốt hơn (Trẻ hòa nhập)
MT4	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong một số vận động ném, tung, chuyền, bắt (2.3T56)	Tung bóng lên cao và bắt bóng Đạp bóng xuống sàn và bắt bóng tại chỗ Đi và đạp bắt bóng bằng hai tay (4-5 lần liên tiếp) Ném trúng đích nằm ngang Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) Ném xa bằng 1 tay, 2 tay Ném trúng đích (đứng) bằng 1 tay, 2 tay (xa 2m x cao 1,5m) Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân

MT5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong việc thực hiện bài tập tổng hợp. Chạy nhanh 20m trong 5-6s (2.4T56 - CS6).	Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây Chạy nhanh 20m trong 5-6s Ném trúng đích (đứng) bằng 1 tay, 2 tay (xa 2m x cao 1,5m) Bò vòng qua 6-7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m
MT6	Trẻ giữ tư thế đứng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở); (CS1) '- Kiểm soát vận động đi / chạy '- Trẻ kiểm sát được bước chân khi đi chậm, đặt cả bàn chân xuống để cảm nhận. (THN)	Trẻ thực hiện đúng tư thế đứng, ngồi, đi đúng khi hoạt động trong lớp, ngoài trời, sinh hoạt, ăn, học mà không cần nhắc nhở - Tư thế ngồi đứng: Lưng thẳng, vai cân đối. Hai chân chạm đất, không vắt chéo. Mắt cách mặt bàn 25-30cm. - Tư thế đứng đúng: Đứng thẳng, hai chân mở rộng bằng vai. Vai thẳng, không gù lưng - Tư thế đi đúng: Đi nhẹ nhàng, lưng thẳng, mắt nhìn phía trước. Không khom người, không chạy lao đầu về trước '- Cho trẻ đi chân trần trên các bề mặt khác nhau: thảm mềm, cát, cỏ nhân tạo, sỏi nhỏ tròn, thảm Cho trẻ đi chân trần trên các bề mặt khác nhau: thảm mềm, cát, cỏ nhân tạo, sỏi nhỏ tròn, thảm luyện tập kiểm soát cơ chân để bước đi đúng tư thế (gót chạm đất trước, rồi cả bàn chân). Trẻ tăng khả năng phối hợp vận động thông qua các trò chơi vận động phù hợp. Hình thành thói quen vận động đúng, giảm dần việc đi kiễng chân. (THN)
MT7	Trẻ thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất. (CS2) phối hợp với người khác thực hiện vận động có sử dụng dụng cụ. (CS7)	Trẻ biết lợi ích của việc tham gia các hoạt động thể chất đối với sức khỏe. Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất: hoạt động vận động, trò chơi vận động, nhảy aerobic, tham gia các trò chơi với các dụng cụ ngoài trời (ném bóng, trèo thang, leo cầu trượt, tung bóng, nhảy bao bố....) 'Chuyên bắt bóng qua đầu, qua chân Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m)
MT8	Trẻ duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi (CS3)	Trẻ biết điều chỉnh hoạt động của cơ thể phù hợp với điều kiện môi trường (thời tiết, không gian, thời gian...) Trẻ có khả năng vận động liên tục, duy trì sức bền và thể lực phù hợp trong các môi trường khác nhau (ngoài trời, trong lớp, thời tiết nóng/lạnh...)

MT9	Đễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới (CS4)	Trẻ biết chơi vận động cùng bạn mới, trong môi trường mới một cách vui vẻ, không e ngại. Chủ động hòa nhập, tham gia vào các trò chơi vận động với nhóm bạn mới, không quen; biết hợp tác, chia sẻ và chấp nhận sự khác biệt khi chơi chung. Tự tin, thân thiện, cởi mở khi tham gia vận động ở nơi lạ, với người lạ (bạn mới, lớp khác...).
MT10	Trẻ thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay, gập mở lần lượt từng ngón tay.(3.1 T56)	- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay tròn cổ tay '- Gập mở lần lượt từng ngón tay '- Đan các ngón tay vào nhau
MT11	Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay. Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình và dán hình vào đúng vị trí Phối hợp tay mắt trong một số hoạt động (3.2T57; CS8)	Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya, khâu luồn, buộc dây. Lắp ráp, bẻ, nắn... Vẽ hình, sao chép các chữ cái, chữ số. Tô đồ theo nét Xé, cắt được các đường viền của hình vẽ. Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu Xếp chồng 12 - 15 khối gỗ theo mẫu. - Phối hợp tay mắt để thực hiện kỹ năng đan, tết, cột dây,...**
MT12	Trẻ thực hiện được các tư thế thể dục Aerobic đứng - quỳ - ngồi - nằm. Trẻ tập luyện được 7 bước Aerobic cơ bản và kết hợp động tác di chuyển chân và tay	Thực hiện được 7 bước Aerobic cơ bản. các bài tập căng cơ, bài tập dẻo, điều hòa, thăng bằng, hít thở trên nền nhạc nhẹ. khởi động các động tác theo thứ tự từ chậm đến nhanh theo thứ tự từng bộ phận cơ thể, cổ, vai, lưng, lườn, hông, đầu gối, cổ tay, chạy bộ, đá chân, nâng gối, tách khớp, nhún khớp kết hợp tay (dựa trên các bài hát sôi động và phù hợp với lứa tuổi mầm non)
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
MT13	Nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi ích đối với sức khỏe; Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm (1.1T57; CS10)	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Lựa chọn thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Lựa chọn thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... Ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất
MT14	Trẻ kể được một số thức ăn, món ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.(1.2T57)	Nhận biết một số thức ăn cần có trong bữa ăn hằng ngày. Tên các món ăn. Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống hàng ngày Biết được rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

<p>MT15</p>	<p>Trẻ thực hiện việc ăn uống đầy đủ, sạch sẽ và lành mạnh** nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh (CS11; 1.3T58; 4.3T59)</p>	<p>Nhận ra được dấu hiệu của một số đồ ăn bị nhiễm bẩn, đồ ăn ôi thiu, mốc, lá quả lạ dễ bị ngộ độc, thịt sống có hại cho sức khỏe. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, béo phì, SDD...) biết đưa ra hành động.</p> <p>Thực hiện ăn uống đầy đủ (ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm), sạch sẽ (bảo đảm vệ sinh) và lành mạnh (có lợi cho sức khỏe, phòng, tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân);</p> <p>'Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.</p> <p>Biết thức ăn có mùi ôi, ăn lá quả dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia không tốt cho sức khỏe.</p> <p>Không tự ý lấy thuốc uống.'Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.</p> <p>Biết thức ăn có mùi ôi, ăn lá quả dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia không tốt cho sức khỏe.</p> <p>Không tự ý lấy thuốc uống.</p>
<p>MT16</p>	<p>Trẻ biết thực hiện được 1 số việc đơn giản tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày không cần sự giúp đỡ.</p> <p>Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi. (2.1T58; CS9,12)</p>	<p>Thực hiện một số công việc đơn giản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Khi rửa không vẩy nước ra ngoài, không làm ướt quần áo. - Học cách tự thay quần, áo khi bị ướt, bỏ vào nơi quy định. - Hướng dẫn, thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội nước cho sạch. - Trao đổi, thảo luận với trẻ thể nào là gọn gàng, sạch đẹp. - Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người

<p>MT17</p>	<p>-Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống. biết sử dụng được đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo (2.2; 3.1 T58)</p>	<p>Giáo dục trẻ thực hiện 1 số hành vi văn minh trong ăn uống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về các hành vi văn minh trong ăn uống trước giờ ăn. - Kể chuyện, đọc thơ về văn minh trong ăn uống. '- Hướng dẫn và thực hành sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống một cách thành thạo và có kỹ năng. - Tự phục vụ trong bữa ăn: Tự cầm bát thìa. Ăn không rơi vãi. Xúc ăn gọn gàng, rót nước từ bình vào cốc không làm đổ - Trẻ biết tự lấy ,tự lựa chọn các loại thức ăn trong bữa tiệc Buffet, có 1 số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự khi ăn . Lấy ít, lấy vừa phải và ăn hết các loại thức ăn mình đã lấy.(QTE) - Trong bữa ăn gia đình biết dọn chén, đĩa, chia cơm, lấy, gấp thức ăn, dọn chén, lau bàn ăn khi ăn xong,... - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
-------------	---	---

<p>MT18</p>	<p>Trẻ biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.</p> <p>Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người khác (cảm thấy mệt, đau, mẩn ngứa, buồn nôn ...) (3.2T59; CS15)</p> <p>'- Tự phục vụ ăn uống, vệ sinh*** (trẻ hòa nhập)</p>	<p>Nhận biết một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh.</p> <p>- Thực hiện vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy</p> <p>'- Tự phục vụ ăn uống, tự đi vệ sinh (Trẻ hòa nhập)</p> <p>- Ra nắng đội mũ, đi tất mặc quần áo khi trời lạnh.Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>- Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.</p> <p>- Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể. Nếu thấy mình hoặc bạn khác có sốt, ho, đau bụng, khó thở, cảm thấy mệt, đau, mẩn ngứa, buồn nôn thì báo ngay cho cô giáo. Chủ động thông báo với cô giáo và không ăn những thức ăn mà cơ thể bị dị ứng**</p> <p>- Giáo dục trẻ ý thức bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác lung tung, không nhổ bậy ra lớp. Tổ chức các hoạt động ”Bé với môi trường”</p> <p>Có hành vi thói quen tốt: lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. Nhắc nhở mọi người khi người khác làm chưa đúng</p>
<p>MT19</p>	<p>Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (sắc nhọn, dao, ổ điện, bếp lò, phích nước nóng,...)</p> <p>Biết và không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn (4.1T59, CS13) (QTE)</p>	<p>Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm, nói được mối nguy hiểm khi đến gần.</p> <p>Không thực hiện một số hành động có thể gây nguy hiểm như: Leo trèo cao, chạy nhảy nơi có vật cản, cầu thang. Chơi với vật sắc nhọn (dao, kéo...). Tự ý bật bếp, nghịch ổ điện. Vượt đường không đúng nơi quy định. Xô đẩy bạn khi chơi...</p>
<p>MT20</p>	<p>Trẻ biết những nơi như ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm, nơi mất vệ sinh,...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần (4.2T59; CS23)</p>	<p>Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, không an toàn như ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm, nơi mất vệ sinh...và nói được mối nguy hiểm khi đến gần (Giếng nước sâu có thể bị ngã. Ao hồ trơn trượt, dễ bị đuối nước. Bụi rậm có rắn, côn trùng cắn. Nơi đổ rác bẩn, dễ bị bệnh....) (QTE)</p>

MT21	Trẻ nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp (tránh xa, kêu cứu, thông báo với người khác...) (4.4T60; CS14)	<p>Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p> <p>Biết kêu cứu, gọi người lớn giúp đỡ mình hoặc người khác khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy/ có bạn hoặc người khác rơi xuống nước, khi bị đánh, ngã, chảy máu... chạy khỏi nơi nguy hiểm khi cháy nổ</p> <p>Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Biết gọi người lớn khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi; Không ra khỏi trường lớp khi không được sự cho phép của cô giáo; Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc..</p> <p>Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại người thân. Khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ</p>
MT22	Thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn. (4.5T61)	<p>Quy định của trường ,lớp: không bỏ hột, hạt vào tai, mũi; không leo trèo cây, ban công, tường rào, không tự ý ra khỏi lớp.</p> <p>- Quy định của giao thông : Đi bộ trên vỉa hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, không chạy nhảy, thò đầu, tay ra ngoài cửa sổ các PTGT...</p> <p>- Nhận biết: đèn tín hiệu, biển báo giao thông , 1 số biển báo nguy hiểm, các ký hiệu cảnh báo nguy hiểm trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>- Tham gia các buổi tham quan, trải nghiệm và thực hiện đúng nội quy nơi công cộng (QTE)</p>

II. Lĩnh vực phát triển nhận thức (28MT)

1.Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán

MT23	<p>Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu? Đây là mấy?”(1.1T63)</p> <p>-Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (1.7T64)</p>	<p>Đếm và nhận biết các con số theo khả năng.</p> <p>- Đặt câu hỏi cái gì ? Mấy ? là mấy ? có bao nhiêu ? số mấy ?...</p> <p>-Thích đếm và hay đếm trên mọi đối tượng.</p> <p>- Trò chơi nhận biết số lượng, chữ số</p> <p>-Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày :số nhà, biển số xe, số điện thoại, số trên tờ tiền</p>
MT24	<p>Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Đếm được đến 30 (1.2T63)</p> <p>'- Nhận biết số lượng, hình khối(THN)</p>	<p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.</p> <p>- Đếm theo khả năng của trẻ.</p> <p>- Các trò chơi luyện đếm</p> <p>- So sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 10</p> <p>- Đếm số lượng đếm theo thứ tự đến 30</p> <p>'- Đếm theo khả năng, đếm và chỉ được các số từ 1 - 10 (THN)</p>

MT25	Trẻ có khả năng so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất (1.3T63)	So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau. - Hoàn thành vở học toán về so sánh số lượng 3 nhóm đối tượng - Thêm được: 3 thêm 4 bằng 7, bớt được: 10 bớt 7 bằng 3
MT26	Trẻ có kỹ năng gộp, tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và đếm (1.4, 1.5T64; CS42)	Gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. Gộp, tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau
MT27	Nhận biết các số từ 1 - 10 và biết sử dụng các chữ số để chỉ số lượng, số thứ tự; So sánh thêm bớt số lượng trong phạm vi 10 (CS43; 1.6T64)	Trẻ nhận biết được con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. So sánh số lượng của 2 đối tượng, nói được từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. Sử dụng các cách thêm hoặc bớt để hai nhóm đối tượng bằng nhau và cùng bằng một số cho trước**
MT28	Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu: - Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.(2.1, 2.2, 2.3T64;CS46)	Sắp xếp các đối tượng theo chiều tăng dần hoặc giảm dần về kích thước; hoặc sắp xếp theo yêu cầu của cô. 'So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. Tạo ra quy tắc sắp xếp theo ý thích, ghép thành từng cặp có mối liên quan. Hoàn thành các bài tập, trò chơi về quy luật sắp xếp.
MT29	Trẻ biết đo độ dài, dung tích của đối tượng bằng đơn vị đo ước lệ. Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả (3T64; CS44)	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. Đo dung tích các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT30	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra được các điểm giống và khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ; khối vuông và khối chữ nhật. Xác định một số hình phẳng và hình khối đơn giản trong cuộc sống xung quanh; (4T64; CS45)	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật Nhận dạng các khối đó trong thực tế. Phân biệt được các khối cầu, trụ, vuông, chữ nhật Tìm, tạo nhóm đồ vật có dạng khối. Chắp ghép các hình để tạo thành các hình mới theo yêu cầu và ý thích. Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau

MT31	<p>Trẻ xác định được vị trí trong không gian theo vật chuẩn; Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. (5.1T65; CS47)</p>	<p>Xác định vị trí đồ vật (phía trước - phía sau, phía trên – phía dưới, phía phải - phía trái) của một vật so với bản thân trẻ, với bạn khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn: - Xác định vị trí của đồ vật ở phía trên, dưới, trước, sau của đối tượng có sự định hướng. - Xác định vị trí của đồ vật ở phía phải, phía trái của đối tượng có sự định hướng.</p>
MT32	<p>Trẻ phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai và gọi đúng tên các thứ trong tuần theo thứ tự; gọi tên các mùa trong năm. (5.2T65; CS48)</p>	<p>Gọi tên các thứ trong tuần theo thứ tự. Ngày đầu tuần và ngày cuối tuần 'Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. Các buổi sáng, trưa, chiều, tối trong một ngày. Công việc của một ngày, công việc của hôm qua, hôm nay đã làm, ngày mai sẽ làm gì. Gọi tên các mùa trong năm. Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</p>
MT33	<p>Trẻ gọi tên các mùa trong năm và sắp xếp thứ tự các mùa theo quy luật tự nhiên** (5.2T65)</p>	<p>- Tên các mùa trong năm, đặt điểm nổi bật của từng mùa: Xuân - Hạ - Thu Đông '- Mùa đông gồm những tháng nào trong năm? (Hạ....Thu...Đông...)** '- Thiết kế sơ đồ tư duy về các mùa trong năm và thuyết trình sơ đồ**</p>
MT34	<p>Trẻ xác định được giờ đúng trên đồng hồ. (CS49)</p>	<p>- Nhận biết kim giờ, kim phút** '- Dạy trẻ cách xem giờ đúng ; Xác định giờ đúng trên đồng hồ.</p>
2.Khám phá xã hội		
MT35	<p>Trẻ nói được họ, tên tuổi, ngày sinh, giới tính bản thân khi được hỏi, trò chuyện (1.1T65)Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và của người khác - Biết được bồn phận của trẻ với bản thân và với người khác, biết được ai được phép chạm vào cơ thể mình và ai không được phép (QTE)</p>	<p>- Tên, tuổi, giới tính, ngày tháng năm sinh vị trí của bản thân trẻ trong gia đình - Bồn phận của trẻ với bản thân và với người khác; phân biệt được ai là người được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được chạm (QTE) - Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể; biết được đâu là chỗ/ khu vực vùng riêng tư mà không ai được phép xâm phạm (Quy tắc 5 ngón tay)</p>

MT36	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình; nói được địa chỉ (số nhà, đường phố, thôn xóm,..) số điện thoại của người thân khi được hỏi trò chuyện (1.2, 1.3T65- 1.1T69)	Gia đình của bé: - Điểm giống và khác nhau của mình với người thân trong GD - Nghề nghiệp của các thành viên trong GD - Sở thích của các thành viên trong gia đình, - Nhu cầu gia đình, đồ dùng GD. - Biết gia đình nhỏ, gia đình lớn,- Các thành viên trong gia đình - Địa chỉ, SĐT gia đình
MT37	Trẻ nói được tên địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp, công việc của cô giáo, cô bác CNV trong trường khi được hỏi trò chuyện(1.4T65; 1.5T66)	Tên gọi, địa chỉ, SĐT của trường - Trường mầm non Hoa Hồng. - Lớp học ... của bé. - Trả lời tên, địa chỉ của trường, lớp học khi người khác hỏi. - Giới thiệu về trường lớp, cô giáo, bạn bè của bé. - Tên, các hoạt động, công việc của các cô các bác trong trường
MT38	Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện (1.6T66) Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm, hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách Nhận ra được một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai và bạn gái (QTE)	Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể và của người khác, không so sánh bạn này với bạn khác, không tỏ thái độ kỳ thị '- Tên, đặc điểm, sở thích của các bạn. - Trò chuyện về các bạn của bé ở lớp. - Biết tên, đặc điểm nổi bật của các bạn trong lớp. - Nhận thức được cơ thể mỗi người đều cần được tôn trọng kể cả người khuyết tật; Nhận ra được một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai và bạn gái (QTE)
MT39	Trẻ kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề VD: Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà (2T66)	Khám phá một số nghề: Biết tên gọi, công việc, công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của nghề nông, Xây dựng, bán hàng, giáo viên, bác sĩ, bộ đội, cảnh sát, ca sĩ, công nhân, nghề dịch vụ, nghề ngư nghiệp..... - Khám phá các ngành nghề truyền thống của địa phương: Làm biễn - Hoạt động ngoại khoá: Trải nghiệm tham quan vườn rau

MT40	Trẻ nhận biết được một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những lễ hội. (3.1T66)	<p>Tên gọi, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ, Ngày hội đến trường, tết trung thu, ngày 20/11; Tết nguyên đán; Ngày 1/6; ngày 8/3; ngày 22/12; Ngày sinh nhật Bác...</p> <p>- Các hoạt động chương trình lễ hội : Trung thu trong mắt bé, gói bánh chưng ngày tết cổ truyền, làm quà tặng bà, tặng mẹ...</p> <p>'Kể được tên các lễ hội và nói hoạt động, thức ăn, trang phục, âm nhạc..điểm nổi bật của dịp lễ hội: Ngày quốc khánh cả nước treo cờ,...Sự kiện văn hóa của địa phương</p>
MT41	Trẻ kể được tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước (3.2T66)	<p>Trẻ biết đặc điểm nổi bật của một số danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước</p> <p>Sự kiện văn hóa của địa phương: Dinh thầy Thím - Di tích lịch sử Dốc Ông Bằng,...</p>
3. Khám phá khoa học		
MT42	<p>Trẻ ò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên (1.1T61; CS50, CS64)</p>	<p>Hứng thú quan sát, trò chuyện, đặt câu hỏi: Hỏi ai ? Cái gì? Làm như thế nào? Làm từ cái gì.... về các đối tượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng - Các nguồn nước trong MT sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số đặc điểm, tính chất của cát, sỏi, đất, đá, mây, gió, nắng, mưa, cầu vồng, nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với con người, con vật, cây.. - Quan sát tranh, ảnh, băng hình và cùng tìm hiểu về các đối tượng. - Kids mart: Cỗ máy thời tiết.
MT43	Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng xung quanh và thảo luận về đặc điểm giống nhau và khác nhau của đối tượng (1.2T61)	<p>Nhìn, sờ, ngửi, nếm, bóp...để tìm hiểu đặc điểm của con vật, cây cối, hoa quả, đồ vật, phương tiện...</p> <p>So sánh giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi, PTGT và sự đa dạng của chúng</p> <p>So sánh giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả,...</p> <p>So sánh sự khác nhau giữa ngày và đêm; mặt trời - mặt trăng; Ánh sáng - bóng tối**</p>

MT44	<p>Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét, thảo luận VD: Gieo hạt, trồng cây, cây tưới nước, cây không tưới. (1.3T62)</p>	<p>Làm các thử nghiệm với nước, cát, gió, không khí, bay hơi, nam châm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán và so sánh mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây....viết lại nhật ký theo sơ đồ tư duy và thuyết trình**
MT45	<p>Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận (1.4T62)</p> <p>'- Thích chăm chú khám phá một đồ vật, đối tượng,...có sự đột phá, nổi trội rõ rệt so với các trẻ khác (THN)</p>	<p>Trò chuyện, xem tranh ảnh, băng hình về các đối tượng. Đạo chơi, trò chuyện, quan sát, thảo luận, nhận xét để thu thập thông tin về đối tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PTGT: Đặc điểm công dụng của một số PTGT. Một số dịch vụ giao thông. Chơi ở nơi an toàn, đi bộ an toàn, an toàn khi đi trên các PTGT. Làm quen với một số biển báo giao thông đường bộ (về màu sắc, hình dạng và quy định). Biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh, biển chỉ dẫn. Nơi qua đường an toàn, Cách đội mũ bảo hiểm đúng. Những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông - Các HTTN: nhận ra những thay đổi của SVHT. Thích ngắm nghĩa, tìm ra những cái mới <p>Đặt được câu hỏi: Cái gì đây? Để làm gì?</p> <p>Không khí và các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. Các nguồn nước trong môi trường sống. ích lợi của nước đối với con người, con vật và cây. Đặc điểm tính chất của nước và bảo vệ nguồn nước. Đặc điểm tính chất đá sỏi, cát</p> <p>- Khám phá và có sự hiểu biết đặc biệt về đối tượng,...Hành động đó được lặp đi, lặp lại nhiều lần và thường xuyên.(THN)</p>
MT46	<p>Trẻ phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm;(1.5T62; CS51)</p>	<p>Đặc điểm, công dụng, chất liệu một số đồ dùng, đồ chơi thông thường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng theo chất liệu và công dụng - Đặc điểm công dụng của một số PTGT và phân loại 2-3 dấu hiệu' - Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng không cùng nhóm với đối tượng còn lại. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu - Hoạt động Kids mart

MT47	Trẻ nhận xét, giải thích được mối quan hệ nguyên nhân, kết quả mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật với môi trường sống. (2.1T62; CS52)	Phát hiện ra nguyên nhân của một số hiện tượng đơn giản. VD: nắp cốc có nhưng giọt nước do nước nóng bốc hơi; quả quýt đã được bóc vỏ sẽ chìm xuống nước,... Nhận biết mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng: Cây và ánh nắng, nước; thực phẩm với con người và môi trường sống Thí nghiệm, trải nghiệm, nhận xét, giải thích về mối liên hệ đơn giản của các sự vật hiện tượng, giải quyết các vấn đề đơn giản đó Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối và môi trường sống. Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối
MT48	Biết giải quyết các vấn đề đơn giản bằng nhiều cách khác nhau Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số** (2.2T62, CS54)	Làm ra sản phẩm tạo hình không giống cách các bạn khác làm. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề. - Xây dựng các tình huống có vấn đề cho trẻ giải quyết theo suy nghĩ riêng trong các hoạt động giáo dục. - Chơi trò chơi nhập vai xử lý các tình huống Trẻ bước đầu tìm hiểu công nghệ số (thiết bị thông minh, màn hình cảm ứng, máy tính bảng, phần mềm học tập...).(QTE) Biết các bước đơn giản để giải quyết một tình huống/ thao tác khi sử dụng công nghệ (tìm kiếm, chọn, nhấn, kéo, nghe hướng dẫn...). Trẻ giải quyết vấn đề quen thuộc trong sinh hoạt hằng ngày (chọn trò chơi học, mở bài hát, chụp ảnh, nghe truyện...) với sự hỗ trợ của công nghệ. Biết sử dụng công nghệ đúng cách, an toàn, không làm rơi hoặc gây hỏng thiết bị.
MT49	Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.(3.2T63)	Thể hiện qua các hoạt động chơi, âm nhạc. tạo hình, đóng vai, tập kịch, hoạt cảnh,... - Tìm hiểu về các đối tượng thông qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.
MT50	Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn** (CS53)	Cách tắt mở máy tính, cách sử dụng chuột bàn phím, sử dụng và bảo quản máy tính bảng, điện thoại... Xem các nội dung an toàn được người lớn cho phép Biết không trò chuyện với người lạ trên mạng, Không sử dụng điện thoại trong bữa ăn, không xem TV, điện thoại quá 60 phút/ngày (QTE)

III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ (18MT)

1. Nghe hiểu lời nói

MT51	<p>Trẻ nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói. Biết thực hiện được các yêu cầu trong HĐ tập thể (1.1T67; CS30-TT50/2020/TT-BGDĐT) (QTE)</p> <p>- Nói để thể hiện nhu cầu, cảm xúc bằng lời hoặc hành động tích cực (Trẻ hòa nhập)</p>	<p>Nghe cô, nghe bạn nói, hiểu lời nói và phản hồi lại bằng những hành động, lời nói phù hợp trong HĐ tập thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ giúp trẻ hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) - Bắt chước, làm theo, thể hiện nhu cầu, cảm xúc bằng hành động tích cực (Trẻ hòa nhập) - Tham gia HĐ tập thể
MT52	<p>Nghe và nhận ra âm giống nhau trong tiếng. (CS39)</p>	<p>Trẻ phát âm được các tiếng có phụ âm đầu và phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu (VD: ca), trẻ tìm các tiếng giống âm đầu (cá, cò, cua...) hoặc âm cuối (ba, ta, na...).</p> <p>So sánh âm thanh trong các tiếng</p> <p>Phân biệt được âm thanh trong lời nói</p>
MT53	<p>Trẻ hiểu nghĩa một số từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng... (1.2T67)</p>	<p>Hiểu và nói được một số từ khái quát chỉ các sự vật hiện tượng: bút, sách, cặp, con vật, đồ vật, cây cối, hoa quả, con người....(Tiếng Việt và tiếng Anh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với các từ chỉ sự vật, hiện tượng. - Lựa chọn hình ảnh, tranh, đồ chơi, đồ dùng theo tập hợp nhóm theo yêu cầu: (Rau ăn quả; nhóm TP giàu chất đạm; PTGT đường bộ; ĐV nuôi trong GD; các hiện tượng tự nhiên;...đồ dùng học tập; đồ dùng để ăn; đồ dùng để mặc, để đi, ...đồ dùng gia đình..PTGT,) - Tìm từ trái nghĩa với từ còn lại. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè
MT54	<p>Trẻ biết chăm chú lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản (1.3T67, CS31) (QTE)</p>	<p>Thể hiện bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp với cuộc Giao tiếp, trò chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe người khác nói - Trả lời câu hỏi của người trò chuyện bằng lời nói, cử chỉ. - Hỏi lại người khác khi không hiểu hoặc thể hiện bằng điệu bộ, cử chỉ.
<p>2.Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày</p>		

MT55	<p>Trẻ kể rõ ràng về sự việc hiện tượng nào đó để người nghe hiểu được. (2.1T67, CS32)</p> <p>'- Diễn đạt rõ ràng mong muốn bằng lời hoặc qua cử chỉ, điệu bộ tích cực tránh la hét, đập phá, tự làm hại bản thân và người khác (THN)</p>	<p>Trò chuyện, trao đổi cùng trẻ để trẻ kể lại các sự việc, hiện tượng, vấn đề đang nói một cách trình tự, dễ hiểu..</p> <p>- Chú ý đến thái độ của người nghe để kể chậm lại, nhắc lại hay giải thích lại lời kể của mình khi người nghe chưa rõ.</p> <p>- Diễn đạt rõ ràng mong muốn bằng lời hoặc qua cử chỉ, điệu bộ tích cực tránh la hét, đập phá, tự làm hại bản thân và người khác (THN)</p>
MT56	<p>Sử dụng các từ chỉ sự vật , hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.</p> <p>Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động và trong giao tiếp. (2.2, 2.3T67)</p>	<p>Hướng dẫn trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật , hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.</p> <p>- Rèn luyện kỹ năng diễn đạt được mong muốn, nhu cầu và suy nghĩ bằng các kiểu câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định...khác nhau.</p> <p>Trao đổi chỉ dẫn bạn bè theo cách của trẻ để các bạn hiểu và cùng nhau hợp tác trong quá trình hoạt động.</p> <p>Tôn trọng, hợp tác, lắng nghe ý kiến của bạn</p> <p>Đưa ra các câu hỏi khác nhau trong giao tiếp</p>
MT57	<p>Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật (2.4T67)</p>	<p>Trẻ biết miêu tả diễn biến một sự việc đơn giản đã nghe, đã thấy hoặc trải nghiệm.</p> <p>Biết nói về hành động, tính cách hoặc trạng thái của các nhân vật trong sự việc (người thật hoặc nhân vật trong truyện).</p>
MT58	<p>Đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè, tục ngữ; đọc theo truyện tranh đã biết (2.5T67)</p>	<p>- Làm quen các thơ, ca dao, hò, vè, tục ngữ</p> <p>- Đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, hò, vè, tục ngữ của các chủ đề trong độ tuổi.</p> <p>- Đọc thuộc một số bài thơ đã học.</p> <p>- Thấy được sự đa dạng và khác biệt ở hình thức bên ngoài và sở thích của mọi người thông qua nghe đọc truyện, thơ, xem tranh(QTE)</p> <p>- Chỉ vào từ dưới tranh, minh họa và “đọc” thành tiếng (theo trí nhớ) để đọc thành một câu chuyện với nội dung phù hợp với từng tranh minh họa.</p> <p>- Hoạt động tại góc sách. “đọc” truyện qua các tranh vẽ.</p>
MT59	<p>Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện...trong nội dung câu chuyện theo cách riêng của mình (2.6T68, CS35)</p>	<p>Kể lại câu chuyện đã được nghe theo trình tự có thay đổi một vài tình tiết theo nhiều cách khác nhau. Dùng rối đặt mình làm nhân vật. Kể truyện theo đồ vật, theo tranh</p> <p>Kể có thay đổi một vài tình tiết nhưng không làm mất đi ý nghĩa nội dung chính của câu chuyện</p> <p>Đặt tên mới cho nhân vật, cho câu chuyện; thêm, bớt các sự kiện.</p>

MT60	Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện, diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau : Đóng kịch, kể chuyện (2.7T68; CS34)	Đóng vai các nhân vật trong các câu chuyện theo chủ đề, đề tài, hoạt cảnh. - Tổ chức hoạt động đóng kịch. - Dạy trẻ kể lại chuyện.
MT61	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp . (2.9T68; CS33 (QTE))	Trẻ điều chỉnh được cường độ giọng nói lên, xuống, to, nhỏ phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. - Luyện nói rõ ràng, âm chuẩn, không nói ngọng, nói líu. - Luyện âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Giao tiếp, trò chuyện với cô/ bạn/ người xung quanh trong hoạt động chơi, học tập, sinh hoạt hàng ngày. Diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau - Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào. - Phân biệt lời nói đúng, nói sai.
MT62	Biết kể chuyện theo tranh minh họa và kể theo kinh nghiệm bản thân. (3.2T68; CS35)	Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh, sắp xếp tranh theo nội dung câu chuyện. Kể lại truyện theo trình tự nội dung tranh - Kể chuyện sáng tạo.
MT63	Nghe hiểu, nhắc lại, nói được 100 từ, cụm từ, số đếm từ 1 - 10 bằng tiếng Anh (TT50/2020/TT-BGDĐT)	Nghe hiểu, nhắc lại, nói được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi 100 từ, cụm từ tiếng Anh; nghe số từ 1 - 10 bằng tiếng Anh
MT64	Nghe và trả lời bằng 1-3 từ hoặc một số mẫu câu đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về khả năng và sở thích (TT50/2020/TT-BGDĐT)	Nghe hiểu trả lời các câu hỏi về khả năng, sở thích; câu hỏi, câu kể, câu cầu khiến đơn giản, quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi; Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ và một số mẫu câu quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen
3.Làm quen với đọc - viết		
MT65	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. Trẻ thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in (3.1; 3.3T68; CS36)	Thích xem/nghe đọc các loại sách khác nhau. Lựa chọn sách phù hợp với sở thích (tranh truyện, thơ, chữ cái, số...) - Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt. - Giáo dục trẻ các hành động giữ gìn, bảo vệ sách. Giở cẩn thận từng trang khi xem. - Không vứt, ném, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách. Biết lấy và cất sách đúng nơi quy định. - Biết cấu tạo của một cuốn sách quen thuộc, biết phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách, biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách - Làm sách, tranh, kể chuyện sáng tạo thể hiện mong muốn một thế giới hòa bình, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau (QTE)

MT66	Trẻ nhận ra được kí hiệu biểu tượng thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra, vào, cấm lửa, biển báo giao thông (3.4T68, CS37)	Làm quen và biết cách sử dụng với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông..... - Sao chép một số kí hiệu quen thuộc
MT67	Trẻ nhận dạng và gọi tên được 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và một số từ tiếng Anh đơn giản (3.5T68, CS38)	Làm quen với các chữ cái: 29 chữ cái theo từng nhóm chữ có những nét tương đồng như: l b/ h-k/c-x - Đọc/phát âm chữ cái trong từ, tiếng. - Trò chơi với các chữ cái. - Nhận dạng các kiểu chữ in hoa, in thường, viết thường. -Kids mart, Quzzi - Phát âm được một số từ tiếng Anh quen thuộc đơn giản
MT68	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên bản thân theo cách của mình. Bắt chước hành vi “viết” . Thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ, “viết” (3.6T68, CS 40,41) '- Cầm bút đúng cách, vẽ theo mẫu (THN)	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. - Biết đồ lại, “ viết” tên của bản thân theo cách của mình. "Trẻ nắm được hướng viết của các nét chữ Sao chép một số kí hiệu, các hình, chữ cái, tên của mình. Chính được giấy để viết đúng dòng - Nhận ra tên của mình, tên đồ dùng cá nhân theo tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh biết viết tên của mình - Sử dụng đúng cách một số dụng cụ vẽ, viết. (THN) - Có hành vi phù hợp: cầm bút đúng tư thế, ngồi ngay ngắn, không vẽ bậy, viết bừa. '-Làm quen với 1 - 5 ký hiệu bằng tiếng Anh thông thường, trẻ biết tô màu, tô đồ một số nét chữ tiếng Anh (TT50/2020/TT-BGDĐT)
IV.Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội (18MT)		
MT69	Nhận biết về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, giới tính, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân. (1.1, 1.2T69, CS16, 18)	Trò chuyện về sở thích và khả năng của bản thân Trẻ biết tên mình, tuổi, giới tính. Nhận biết đặc điểm bên ngoài (chiều cao, màu tóc, nước da...), sở thích, cảm xúc của bản thân. Biết mình thích/không thích điều gì; những việc mình làm tốt và chưa làm được. Mạnh dạn nói về bản thân trước cô và bạn. Tự hào về đặc điểm riêng và khả năng của bản thân (QTE)

MT70	<p>Trẻ nói được mình có điểm giống và khác với bạn. Biết ứng xử phù hợp với giới tính và bản thân. Tôn trọng sự khác biệt của người khác (1.3T69, CS24)</p>	<p>Học cách chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt giữa người khác với mình về giới tính, hình dáng bên ngoài, sở thích, khả năng...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được một số hành vi ứng xử cần có, sở thích có thể khác nhau giữa bạn trai, bạn gái. - Thường thể hiện hành vi ứng xử phù hợp, lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính - Không phân biệt đối xử với các bạn khác giới, các bạn có hoàn cảnh đặc biệt...
MT71	<p>Có trách nhiệm với bản thân, người khác và môi trường, biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ những việc vừa sức (CS 21; 1.4,1.5T69)</p>	<p>Ngủ đủ giấc, ăn uống lành mạnh, tập thể dục đều đặn Giúp đỡ bạn bè trong học tập, chia sẻ đồ dùng học tập, hoặc hỗ trợ bạn trong các trò chơi nhóm Trồng cây và chăm sóc cây Giữ vệ môi trường, không vứt rác bừa bãi</p> <ul style="list-style-type: none"> '- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình. - Dạy trẻ hiểu về mối quan hệ và cách xưng hô giữa các thành viên trong gia đình, vâng lời giúp đỡ bố mẹ công việc vừa sức (QTE) '- Có trách nhiệm với bản thân, với người khác, trách nhiệm của con người để bảo vệ môi trường: “ Nói không với bóng bay, túi nilon và rác thải nhựa”***
MT72	<p>Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao (2.1, 2.2T69) '- Làm theo quy tắc nhóm, giữ bình tĩnh khi bị sai(Trẻ hòa nhập)</p>	<p>Thực hiện và hoàn thành công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động độc lập trong một số hoạt động. - Trẻ vui, phấn khởi, thích thú, tự tin, tự hào...khi hoàn thành công việc được giao. - Khoe, kể sản phẩm của mình với người khác. - Cất sản phẩm cẩn thận. - Phối hợp với bạn để hoàn thành công việc, giữ bình tĩnh, hòa thuận, cảm xúc tích cực (THN). Biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết
MT73	<p>Trẻ nhận biết và biểu lộ được các trạng thái cảm xúc của bản thân và cảm xúc của người khác khi: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ. Thể hiện cảm xúc phù hợp với người xung quanh Gọi tên tối thiểu 3 cảm xúc khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó; (3.1; 3.2T69, CS17, 19)</p>	<p>Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói củ người khác (tối thiểu 3 cảm xúc) và nói được nguyên nhân gây ra cảm xúc đó</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. -Thực hành thể hiện các khuôn mặt cảm xúc. - Cắt dán các khuôn mặt cảm xúc từ các họa báo. - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của bản thân qua lời nói, cử chỉ

MT74	<p>Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp với mọi người xung quanh, biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè (CS19; 3.3T70)</p> <p>- Giao tiếp cử chỉ - ánh mắt – lời nói rõ ràng(THN)</p> <p>- Chủ động chào hỏi, hợp tác chơi nhóm (THN)</p>	<p>Trò chuyện với trẻ về tình thương, sự chia sẻ, giúp đỡ người hoàn cảnh, khó khăn,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem phim về các hoàn cảnh khó khăn, suy nghĩ và hành động của bé(quyên góp quần áo, đồ chơi, vật dụng cũ) - Chủ động giúp đỡ khi nhìn thấy bạn hoặc người khác khó khăn. - Xây dựng các tình huống cho trẻ giải quyết tình huống - Giao tiếp cử chỉ - ánh mắt – lời nói rõ ràng (THN) - Chủ động chào hỏi, hợp tác chơi nhóm (THN)
MT75	<p>Trẻ biết giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác (CS 29)</p>	<p>Trẻ thể hiện sự trung thực, trách nhiệm và tôn trọng đối với người khác</p> <p>Không tìm cách tránh né hoặc làm sai lệch sự thật</p> <p>Không hứa những điều vượt quá khả năng của mình.</p>
MT76	<p>Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện với Bác Hồ, - Biết kính yêu Bác Hồ và những người có công với quê hương đất nước (3.4, 3.5T70) 	<p>Bác Hồ kính yêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quê hương Bác Hồ. - Những địa danh mang tên Bác. - Đọc thơ, kể chuyện, thực hiện các sản phẩm về Bác Hồ. - Hát thuộc bài Quốc ca Việt Nam - Đọc thuộc 5 điều Bác Hồ dạy - Nhận ra hình dạng, màu sắc,...Quốc Kỳ Việt Nam
MT77	<p>Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương đất nước (3.6T70)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. + Khám phá về Thủ đô Hà nội, Lăng Bác, chùa Một cột,... + Di tích lịch sử : Quê Bác, + Quảng trường Hồ Chí Minh. - Hành vi bảo vệ di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống.(QTE)
MT78	<p>Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. (4.1T70)</p>	<p>Nhận biết một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.(QTE)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định của trường, lớp. - Một số quy định trong gia đình bé. - Một số quy định giao thông. - Một số quy định nơi công cộng.

MT79	Thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi (CS25)	Trẻ tham gia vào các hoạt động xã hội với những người xung quanh (bạn bè, gia đình, thầy cô, hoặc cộng đồng) một cách tự nhiên và hiệu quả. Biết cách giao tiếp, hợp tác, và giải quyết các vấn đề hoặc mâu thuẫn trong môi trường xã hội mà không gặp phải nhiều khó khăn.
MT80	Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra (CS27)	Mô tả chính xác, trung thực và khách quan về các sự kiện, tình huống hoặc cảm xúc của mình mà không bị ảnh hưởng bởi cảm giác chủ quan, suy nghĩ hay cảm xúc cá nhân
MT81	Biết nói cảm ơn, xin phép, thưa, dạ chào hỏi lễ phép. Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi; (2.8T68 - 4.2T70; CS 28)	Bé học cách nói lời cảm ơn , xin lỗi, dạ, thưa, chào hỏi phù hợp, lễ phép. Đưa nhận bằng 2 tay - Kể chuyện, đọc thơ nói về lời cảm ơn, xin lỗi và chào hỏi, thưa gửi lễ phép - Biết việc làm của mình ảnh hưởng tới người khác biết xin lỗi và sửa lỗi
MT82	Biết chú ý lắng nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến của mình với bạn (4.3, 4.5T70)	Biết Nhìn vào người khác khi họ đang nói, không cắt ngang lời khi người khác đang nói. - Trình bày ý kiến của mình với các bạn, trao đổi thỏa thuận với các bạn và chấp nhận thực hiện theo ý kiến chung. - Khi trao đổi bình tĩnh, tôn trọng lẫn nhau, không nói cắt ngang khi người khác đang trình bày. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự
MT83	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động; Biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (4.6T70;(4.4T70) (QTE)	Biết chờ đến lượt khi tham gia các hoạt động. - Biết xếp hàng chờ đến lượt . - Nhắc các bạn xếp hàng, đề nghị bạn không được tranh lượt Hướng dẫn trẻ học cách kiềm chế cảm xúc. Biết trao đổi, thỏa thuận, tìm giải pháp phù hợp Biết một số cách giải quyết mâu thuẫn đơn giản như: chia sẻ, nhường nhịn, nói lời xin lỗi, nhờ người lớn giúp đỡ
MT84	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc; giữ gìn, bảo vệ đồ dùng, đồ chơi chung tại sân trường và nơi công cộng (5.1T71) (QTE)	Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. Quan tâm hỏi han về sự phát triển, cách chăm sóc cây, con vật quen thuộc. -Trò chuyện và hướng dẫn cách chăm sóc cây. -Trò chuyện và hướng dẫn cách chăm sóc các vật nuôi quen thuộc.. '- Bảo vệ đồ dùng, đồ chơi chung tại sân trường và nơi công cộng

MT85	<p>Nhận biết và thể hiện thái độ phù hợp, thể hiện hành vi ứng xử văn hóa với người khác và môi trường (CS22,23)</p>	<p>Thể hiện được trạng thái, cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận... Tự điều chỉnh hành vi, thái độ cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh... Có thái độ tích cực trong giao tiếp</p>
MT86	<p>Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày. Tiết kiệm điện, nước,...trong sinh hoạt (5.4T71)Tiết kiệm điện, nước,...trong sinh hoạt (5.4;5.2, 5.3T71; CS26)</p>	<p>Ý nghĩa của việc BVMT đối với đời sống con người - Biết hành vi đúng , sai trong bảo vệ môi trường và nhận xét về các hành vi đó. - Xem tranh ảnh về hậu quả của biến đổi khí hậu, thời tiết- Suy nghĩ và hành động của bé. - GD trẻ giữ gìn, bảo vệ môi trường: Không vứt rác lung tung, không bẻ cành, hái hoa, biết chăm sóc cây, nhặt rác bỏ vào thùng, không viết, vẽ bậy... - Thực hiện “ Nói không với bóng bay, túi nilon và rác thải nhựa” - Thái độ không đồng tình với những hành vi sai qua hoạt động tạo hình, âm nhạc, trò chơi.(QTE) Học cách sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. - Lựa chọn hành vi đúng, sai trong tiết kiệm điện, nước. Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.Học cách sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt.</p>
V.Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ (18MT)		
MT87	<p>Trẻ biết Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật: tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng (1.1T71; CS55) (QTE)</p>	<p>Quan sát và thể hiện sự thích thú, hứng thú, nhìn, ngắm, nhận xét về vẻ đẹp của các sự vật trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. 'Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng '- Bộc lộ cảm xúc thông qua hoạt động nghệ thuật với nội dung dân ca, trò chơi dân gian, tăng tính kết nối văn hóa địa phương.</p>
MT88	<p>Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng thể hiện được cảm xúc (Hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát,bản nhạc;(1.2T72) '- Chăm chú nghe và cảm thụ âm nhạc, kiểm soát được hành vi tích cực hơn (THN)</p>	<p>Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau : Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, nhạc cổ điển.... - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn,tình cảm tha thiết, êm dịu) để thể hiện minh họa động tác phù hợp. '- Cho trẻ vừa đi vừa hát, vừa gõ nhạc cụ. Âm nhạc giúp trẻ phân tán lo âu và bước tự nhiên hơn.(THN) Ví dụ: đi theo nhịp trống “gõ 1 – bước 1”, khuyến khích “gót chạm đất” khi nghe tiếng trống .</p>

MT89	<p>Bộc lộ cảm xúc và bày tỏ ý kiến của bản thân trước cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật. sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. (1.3T72; CS 56,57) (QTE)</p>	<p>Quan sát tranh, ảnh, vật thật, các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. + Thể hiện sự thích thú và bày tỏ ý kiến của mình trước cái đẹp trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p>
MT90	<p>Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống (CS 58)</p>	<p>Trẻ có thể nhận biết, nói ra hoặc thể hiện qua hành động một vài thông tin, đặc điểm, hình thức... liên quan đến nghệ thuật truyền thống mà trẻ đã được tiếp xúc hoặc học được. + Trẻ biết gọi tên một số loại hình nghệ thuật truyền thống như hát quan họ, múa rối nước, hát chèo, múa sạp... + Trẻ biết mô tả một vài đặc điểm đơn giản, như “Quan họ mặc áo mớ ba mớ bảy, đội nón quai thao”, “Múa rối nước diễn trên mặt nước” "Múa sạp cần có các cây tre dài, nhạc nhảy sạp, trang phục truyền thống của dân tộc Tây Bắc, Thái... + Trẻ kể được mình đã xem hoặc tham gia một hoạt động nghệ thuật truyền thống ở trường, ở lễ hội hoặc qua tivi. + Trẻ hát một đoạn dân ca, múa theo nhạc truyền thống, tô màu tranh dân gian...</p>
MT91	<p>Có hành vi thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật, cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống (CS 59)</p>	<p>Trẻ biết trân trọng, bảo vệ và giữ gìn những gì đẹp đẽ xung quanh mình — từ sản phẩm nghệ thuật do bản thân, bạn bè hoặc người lớn tạo ra, đến những vẻ đẹp tự nhiên ngoài môi trường và những sắp đặt gọn gàng, hài hòa trong đời sống: - Không làm hỏng, bẩn sản phẩm nghệ thuật. - Cát, trưng bày sản phẩm gọn gàng. - Không bẻ cành, hái hoa, vứt rác bừa bãi. - Giữ gìn sự sạch sẽ, ngăn nắp ở nơi học tập và vui chơi. - Có lời nói hoặc hành động khen ngợi, bảo vệ cái đẹp...</p>
<p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình.</p>		
MT92	<p>Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, tô màu kín không chừa ra ngoài để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, cân đối . (2.4,T72)</p>	<p>Phối hợp các kỹ năng vẽ, tô màu để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Làm tranh, ảnh, sản phẩm, đồ dùng, đồ chơi theo chủ đề, theo ý thích, đề tài, sáng tạo. - Vẽ, phối hợp màu sắc hài hòa tạo nên bức tranh có bố cục cân đối, đẹp.</p>

MT93	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối (2.5T72 - 2.7T73)	- Phối hợp các kỹ năng xé, cắt, dán, vò, chắp, ghép, in, phun, gấp, tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Xé, dán các bức tranh Sử dụng kỹ năng lắp ghép, xếp hình để tạo thành các sản phẩm (đồ chơi, dụng cụ, con vật...)
MT94	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối (2.6T73)	Phối hợp các kỹ năng nặn tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Nặn các sản phẩm
MT95	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm (2.3T72) '- Sáng tạo tranh theo cách riêng; biểu diễn đơn giản (THN)	Lựa chọn, phối hợp các nguyên liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. (Trẻ hòa nhập có sự hỗ trợ của cô, khuyết khích trẻ sáng tạo theo cách riêng) - Làm tranh từ nguyên vật liệu thiên nhiên
MT96	Trẻ có khả năng phối hợp nhóm biểu diễn, di chuyển đội hình, làm tháp. Thực hiện được các động tác vũ đạo và nghệ thuật thể dục Aerobic, kết hợp tự biểu diễn theo nhạc trước tập thể	Trẻ thực hiện được vũ đạo và nghệ thuật, các bước nhảy di chuyển tự do và nghệ thuật phối hợp. Trẻ nghe được nhịp nhạc, bài hát và thực hiện được các động tác theo nhạc; tự tin biểu diễn trước tập thể
MT97	- Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nhận xét các sản phẩm về màu sắc, hình dáng, bố cục. Đặt tên cho sản phẩm (2.8; 3.3, 3.4T73; CS61)	- Trình bày ý tưởng của trẻ về cái mà trẻ sắp làm. - Sáng tạo các sản phẩm tạo hình theo ý thích, đặt tên cho sản phẩm. (Trẻ dùng các vật liệu, dụng cụ (giấy, màu, đất nặn, lá cây, hạt...) để tự tạo ra một bức tranh, mô hình, hay đồ vật... dựa trên cảm xúc và ý tưởng của mình, rồi diễn đạt bằng lời để giới thiệu hoặc chia sẻ về sản phẩm ấy) Biết nhận xét sản phẩm tạo hình của mình và của bạn về màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục và sự sáng tạo..QTE
MT98	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ (2.1T72)	Hát đúng lời và giai điệu một số bài hát đã học Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. Thể hiện tình cảm khi hát

MT99	Trẻ biết vận động nhịp nhàng thể hiện cảm xúc phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa...)(CS101)	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sáng tạo tự do: tạo sản phẩm từ vật liệu tái chế, phối màu tranh theo cảm xúc**.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
MT100	Tự nghĩ ra hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo bản nhạc, bài hát yêu thích. Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc; (3.1T73, CS 60) (QTE)	Sáng tạo ra các hình thức để tạo ra âm thanh vận động, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Sáng tạo động tác minh họa riêng, thay đổi một chút lời hoặc tiết tấu cho phù hợp ý thích; kết hợp nhảy, lắc lư, xoay vòng, gõ nhịp bằng tay hoặc nhạc cụ - Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
MT101	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. - Làm quen với 1 số điệu múa dân gian hiện đại (2.2T72, 3.2T73)	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. -Lựa chọn các hình thức vận động theo nhạc. - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề. - Thể hiện các hình thức vận động khác theo ý thích của mình. - Làm quen với 1 số điệu múa dân gian hiện đại.
MT102	Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật (CS 62)	Trẻ nhập vai vào một nhân vật (trong truyện, kịch, bài hát, trò chơi đóng vai...) và diễn tả hành động, lời nói, cử chỉ sao cho phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật đó, đồng thời thêm vào sự sáng tạo cá nhân của mình. (Diễn xuất bằng nét mặt, giọng nói, tư thế... đúng với nhân vật (ví dụ: Sói gian ác thì nói to, gằn giọng; Cô bé quàng khăn đỏ thì nhẹ nhàng, lễ phép. Thêm lời thoại, động tác, hoặc cách xử lý tình huống theo ý tưởng của mình nhưng vẫn hợp logic câu chuyện)
MT103	Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói/cử chỉ lịch sự/nhân ái...) (CS 63)	Trẻ biết tự thực hiện hoặc lựa chọn những hành động, cách sắp xếp, ứng xử để làm cho môi trường xung quanh trở nên gọn gàng, dễ nhìn, ấm áp hơn và đem lại cảm giác vui vẻ, hài hòa cho người khác. + Biết phối hợp màu sắc, vị trí để tạo sự hài hòa + Nói lời lịch sự, lễ phép + Thể hiện sự nhân ái: quan tâm, chia sẻ đồ dùng với bạn, giúp bạn khi bạn gặp khó khăn.
MT104	Trẻ thực hiện được vũ đạo và nghệ thuật như các bước nhảy di chuyển tự do và nghệ thuật phối hợp trên nền nhạc sôi động Aeorobic	- Trẻ nghe được nhịp nhạc, bài hát và thực hiện được các động tác theo nhạc. - Làm quen với các bước nhảy di chuyển tự do và nghệ thuật phối hợp (di chuyển kết hợp tay, di chuyển phối hợp 7 bước cơ bản).

VI. Tiếp cận với việc học (6MT)

MT105	Tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ và hoạt động (CS65) '- Tập trung 10–15 phút, chủ động học (THN)	Trẻ có thái độ nghiêm túc và kiên nhẫn khi làm việc, không bị xao nhãng bởi các yếu tố bên ngoài. Hoàn thành nhiệm vụ trong khoảng thời gian đã định, mà không trì hoãn hoặc chần chừ. - Tập trung, kiểm soát được hành vi, thái độ và chủ động tham gia học tập (THN)
MT106	Chủ động, sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng (CS66, 67) Thích học đọc, học viết (THN)	Trẻ tự giác bắt đầu làm nhiệm vụ mà không cần nhắc nhở nhiều từ người lớn. Trẻ hào hứng tham gia vào các hoạt động, trò chơi, công việc nhóm. Trẻ kiên trì làm đến khi hoàn thành nhiệm vụ, không dễ bỏ dở giữa chừng. Trẻ biết hỏi ý kiến hoặc xin giúp đỡ khi gặp khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. - Thích sách, vở, bút; tô - đồ có sự trợ giúp (THN)
MT107	Hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu (CS68) '- Hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu có sự hỗ trợ của cô và bạn. (THN)	Trẻ biết phối hợp, hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện công việc hoặc hoạt động nhóm. Phân công, nhận và hoàn thành phần việc được giao trong nhóm. Giúp đỡ, khích lệ bạn bè khi gặp khó khăn. Giữ thái độ thân thiện, hòa nhã, không gây tranh cãi hoặc mâu thuẫn trong nhóm. '- Hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu có sự hỗ trợ của cô và bạn. (THN)'
MT108	Thảo luận, giải thích, trình bày suy nghĩ của bản thân (CS69)	Trẻ biết dùng câu đơn giản, dễ hiểu để nói lên ý muốn, sở thích hoặc cảm xúc của mình. Biết trả lời câu hỏi “tại sao?” hoặc “như thế nào?” với những lời giải thích ngắn gọn, dễ hiểu. Trẻ thực hành qua các hoạt động trò chơi đóng vai, kể chuyện, hoặc hỏi – đáp ngắn.
MT109	Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống. (CS70)	Khi gặp khó khăn, trẻ nhận biết vấn đề cần giải quyết. Trẻ có thể nghĩ ra các giải pháp đơn giản để giải quyết vấn đề. Biết lựa chọn phương án tốt nhất và thực hiện giải pháp Ví dụ, nếu trẻ không thể tìm thấy đồ chơi yêu thích, trẻ có thể nhận ra vấn đề là mình đã để quên nó ở đâu đó và bắt đầu tìm kiếm.
MT110	Tiếp cận với việc lập sơ đồ tư duy, mạnh dạng trình bày sơ đồ theo sự hiểu biết**	- Tết trung thu; tết nguyên đán; Quá trình phát triển của cây, con vật

Duyệt P. hiệu trưởng

Người lập

TTCM



Hồ

Phạm Thị Linh Thảo

Thị Bích Ngọc

